TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 5 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Mộng N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Huỳnh B, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của chị Trần Mộng N, thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Huỳnh B chung sống với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh B ghen tuông vô cớ, nhiều lần tự vẫn và hăm dọa chị, sự việc đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, chị xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn quay lại chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung, gồm: Nguyễn Mộng Thảo V và Nguyễn Triệu V1 do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi các cháu, việc cấp dưỡng không đặt ra. Trường hợp sau này các cháu có nguyện vọng chung sống với anh B thì chị đồng ý giao các cháu cho anh B nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết của anh Nguyễn Huỳnh B, thể hiện:*

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn và việc có đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Anh thừa nhận trong cuộc sống xảy ra mâu thuẫn liên quan đến tiền bạc, do suy nghĩ tiêu cực đã có hành động tự vẫn, anh thừa nhận có đánh chị N 02 bạt tai. Do vẫn còn tình cảm với chị N nên anh muốn hàn gắn chung sống trở lại và sẽ suy nghĩ tích cực hơn trong cuộc sống nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì anh đồng ý giao các cháu cho chị N nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Trường hợp các cháu sau này có nguyện vọng chung sống với anh thì anh nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và các vấn đề khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Mộng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Huỳnh B đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp.

[2] Chị N và anh B chung sống với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh B ghen tuông vô cớ, anh B nhiều lần tự vẫn, hăm dọa và đánh chị N, sự việc đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, chị N xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn quy lại chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh B. Theo anh B, do còn tình cảm nên mong muốn hàn gắn trở lại.

Xét yêu cầu của các đương sự, thấy rằng: Hôn nhân của chị N và anh B có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và B vệ. Tuy nhiên, sau khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh B đã thừa nhận có đánh chị N, đây là hành vi bạo lực gia đình và bị pháp luật nghiêm cấm; ngoài việc xác định vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng anh B không đưa ra được giải pháp hàn gắn trong khi chị N không chấp nhận quay lại tiếp tục chung sống; điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận

yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn với anh B là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Các đương sự thỏa thuận giao Thảo V và Triệu V1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Xét việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của Thảo V và Triệu V1; do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên các cháu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Anh B có quyền, nghĩa vụ đối với Thảo V và Triệu V1 theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mộng N.

- Về hôn nhân: Cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh B.

- Về con chung: Giao Nguyễn Mộng Thảo V và Nguyễn Triệu V1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012153 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị N đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn